

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phân bổ kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ
công ích thủy lợi năm 2019 (đợt 2) trên địa bàn tỉnh Bình Định**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Căn cứ Quyết định số 3331/QĐ-UBND ngày 01/10/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh kinh phí hỗ trợ vận hành các công trình cống, tràn qua đê Đông từ năm 2018 trở đi;

Căn cứ Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 25/3/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch diện tích cấp bù thủy lợi phí năm 2019 trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 1470/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của UBND tỉnh phê duyệt dự toán đặt hàng mua sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2019 của Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 662/TTr-STC ngày 10/12/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung mục tiêu năm 2019 cho ngân sách các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện chính sách hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi với số tiền 8.252.000.000 đồng (*Tám tỷ hai trăm năm mươi hai triệu đồng*).

(chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Nguồn kinh phí thực hiện: từ nguồn chi sự nghiệp kinh tế được bố trí để chi cấp bù thủy lợi phí tại Quyết định số 4319/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 của UBND tỉnh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2019.

Điều 2. Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm sử dụng kinh phí đúng mục đích và thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10 (15b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Châu

Phụ lục

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Đơn vị	Tổng số (ha)	Trong đó			Dự toán năm 2019	Kinh phí hỗ trợ các đơn vị dùng nước có trạm bơm điện, dầu theo Quyết định số 210/QĐ- UBND ngày 21/01/2016	Kinh phí hỗ trợ vận hành các công trình cống, tràn qua đê Đông	Dự toán được sử dụng	Kinh phí đã phân bổ	Kinh phí bổ sung đợt 2
			Vùng miền núi	Vùng đồng bằng	Công ty tạo nguồn						
1	2	3=4+5+6	4	5	6	7	8	9	10=7+8+9	11	12=10-11
	Tổng cộng	74.820,60	17.096,19	37.778,69	19.945,72	76.597	1.538	287	78.422	70.170	8.252
1	Thành phố Quy Nhơn	2.167,67	591,89	436,56	1.139,22	2.194	15	46	2.255	2.230	25
2	Thị xã An Nhơn	6.771,19		507,16	6.264,03	6.134	1.052		7.186	5.710	1.476
3	Huyện Tuy Phước	5.266,49	676,75	1.088,50	3.501,24	5.258	182	212	5.652	4.780	872
4	Huyện Tây Sơn	6.777,64	2.300,72	2.604,00	1.872,92	7.385	26		7.411	6.740	671
5	Huyện Phù Cát	12.241,16	3.020,34	5.876,16	3.344,66	11.446	174	29	11.649	11.140	509
6	Huyện Phù Mỹ	17.319,92	1.550,57	13.743,86	2.025,49	15.596			15.596	14.070	1.526
7	Huyện Hoài Ân	8.820,16	4.329,38	3.945,06	545,72	10.872			10.872	9.740	1.132
8	Huyện Hoài Nhơn	11.523,44	789,49	9.577,39	1.156,56	12.602	89		12.691	11.250	1.441
9	Huyện Vân Canh	535,03	481,30		53,73	772			772	690	82
10	Huyện Vĩnh Thạnh	1.222,74	1.180,59		42,15	1.657			1.657	1.410	247
11	Huyện An Lão	2.175,16	2.175,16			2.681			2.681	2.410	271